



BỘ TÀI CHÍNH

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH

CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP

Quyển số
1



HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN

Thông tư số 200/2014/TT - BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính
(đã sửa đổi bổ sung)



NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH

LỜI NÓI ĐẦU

Trong những năm vừa qua cơ chế quản lý tài chính doanh nghiệp đã có những đổi mới nhằm tạo điều kiện cho các doanh nghiệp trong việc thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh. Đồng thời, với sự phát triển của nền kinh tế, đã phát sinh nhiều nghiệp vụ kinh tế mà chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC chưa có hướng dẫn cụ thể. Cập nhật, bổ sung hướng dẫn kế toán cho những thay đổi đó ngày 22/12/2014 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT - BTC Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp mới (thay thế cho Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC) và Thông tư số 202/2014/TT - BTC Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (thay thế cho Phần XII Thông tư số 161/2007/TT - BTC) áp dụng cho các doanh nghiệp hoạt động dưới hình thức công ty mẹ - công ty con thuộc các ngành, thành phần kinh tế trong cả nước khi lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 18/05/2015 Bộ Tài Chính ban hành thông tư 75/2015/TT-BTC sửa đổi, bổ sung Điều 28 của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ngày 21/03/2016 Bộ Tài Chính ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài Chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Nhằm giúp các doanh nghiệp và những người quan tâm đến công tác kế toán doanh nghiệp thuận tiện trong việc nghiên cứu, áp dụng trong thực tiễn cũng như trong công tác của ngành mình, Nhà xuất bản Tài Chính cùng với một số Chuyên Gia có nhiều kinh nghiệm trong công tác kế toán và kiểm toán biên soạn bộ sách “Chế độ kế toán doanh nghiệp và Hợp nhất báo cáo tài chính”. Với độ dày hơn một nghìn trang (02 cuốn). cuốn sách đã tập hợp đầy đủ các nội dung của Thông tư số 200/2014/TT - BTC và Thông tư số 202/TT - BTC, gồm các phần hướng dẫn về tài khoản kế toán, sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính của doanh nghiệp độc lập và báo cáo tài chính hợp nhất, có ví dụ minh họa bằng số liệu cụ thể cho từng nội dung và kèm theo sơ đồ hạch toán kế toán của từng tài khoản kế toán.

Chắc chắn cuốn sách sẽ rất hữu ích cho những người sử dụng trong việc thực hiện công tác kế toán tại doanh nghiệp, đồng thời sẽ tiện lợi, dễ hiểu cho người nghiên cứu, học tập, ôn thi môn kế toán cho các kỳ thi quốc gia, giảng dạy và quản lý về kế toán!

Trân trọng giới thiệu cuốn sách tới bạn đọc!.

NHÀ XUẤT BẢN TÀI CHÍNH

MỤC LỤC

	Trang
Lời nói đầu	3
Thông tư số 200/2014/TT- BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp	7
Phần thứ nhất: HỆ THỐNG TÀI KHOẢN KẾ TOÁN	11
I. Danh mục hệ thống tài khoản kế toán doanh nghiệp	19
II. Giải thích nội dung, kết cấu và phương pháp ghi chép tài khoản kế toán	29
Loại tài khoản tài sản	30
Loại tài khoản nợ phải trả	291
Loại tài khoản vốn chủ sở hữu	395
Loại tài khoản doanh thu	452
Loại tài khoản chi phí sản xuất, kinh doanh	487
Loại tài khoản thu nhập khác	544
Loại tài khoản chi phí khác	552
Loại tài khoản xác định kết quả kinh doanh	563
Phần Phụ lục: SƠ ĐỒ KẾ TOÁN	567

THÔNG TƯ
Hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp

Căn cứ Luật Kế toán ngày 17 tháng 06 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 129/2004/NĐ-CP ngày 31 tháng 05 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán trong hoạt động kinh doanh;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chế độ kế toán và kiểm toán,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Thông tư này hướng dẫn kế toán áp dụng đối với các doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực, mọi thành phần kinh tế. Các doanh nghiệp vừa và nhỏ đang thực hiện kế toán theo Chế độ kế toán áp dụng cho doanh nghiệp vừa và nhỏ được vận dụng quy định của Thông tư này để kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh và yêu cầu quản lý của mình.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính, không áp dụng cho việc xác định nghĩa vụ thuế của doanh nghiệp đối với ngân sách Nhà nước.

Điều 3. Đơn vị tiền tệ trong kế toán

“Đơn vị tiền tệ trong kế toán” là Đồng Việt Nam (ký hiệu quốc gia là “đ”; ký hiệu quốc tế là “VND”) được dùng để ghi sổ kế toán, lập và trình bày Báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Trường hợp đơn vị kế toán chủ yếu thu, chi bằng ngoại tệ, đáp ứng được các tiêu chuẩn quy định tại Điều 4 Thông tư này thì được chọn một loại ngoại tệ làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

Điều 4. Lựa chọn đơn vị tiền tệ trong kế toán

1. Doanh nghiệp có nghiệp vụ thu, chi chủ yếu bằng ngoại tệ căn cứ vào quy định của Luật Kế toán, để xem xét, quyết định lựa chọn đơn vị tiền tệ trong kế toán và chịu trách nhiệm về quyết định đó trước pháp luật. Khi lựa chọn đơn vị tiền tệ trong kế toán, doanh nghiệp phải thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

2. Đơn vị tiền tệ trong kế toán là đơn vị tiền tệ:

a) Được sử dụng chủ yếu trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ của đơn vị, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hoá và cung cấp dịch vụ và thường chính là đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và được thanh toán; và

b) Được sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, nguyên vật liệu và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, thông thường chính là đơn vị tiền tệ dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

3. Các yếu tố sau đây cũng được xem xét và cung cấp bằng chứng về đơn vị tiền tệ trong kế toán của đơn vị:

a) Đơn vị tiền tệ sử dụng để huy động các nguồn lực tài chính (như phát hành cổ phiếu, trái phiếu);

b) Đơn vị tiền tệ thường xuyên thu được từ các hoạt động kinh doanh và được tích trữ lại.

4. Đơn vị tiền tệ trong kế toán phản ánh các giao dịch, sự kiện, điều kiện liên quan đến hoạt động của đơn vị. Sau khi xác định được đơn vị tiền tệ trong kế toán thì đơn vị không được thay đổi trừ khi có sự thay đổi trọng yếu trong các giao dịch, sự kiện và điều kiện đó.

Điều 5. Chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán là ngoại tệ sang Đồng Việt Nam

1. Doanh nghiệp sử dụng ngoại tệ làm đơn vị tiền tệ trong kế toán thì đồng thời với việc lập Báo cáo tài chính theo đơn vị tiền tệ trong kế toán (ngoại tệ) còn phải chuyển đổi Báo cáo tài chính sang Đồng Việt Nam khi công bố và nộp Báo cáo tài chính cho cơ quan quản lý Nhà nước.

2. Nguyên tắc chuyển đổi Báo cáo tài chính lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán là ngoại tệ sang Đồng Việt Nam, trình bày thông tin so sánh được thực hiện theo quy định tại Chương III Thông tư này.

3. Khi chuyển đổi Báo cáo tài chính được lập bằng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam, doanh nghiệp phải trình bày rõ trên Bản thuyết minh Báo cáo tài chính những ảnh hưởng (nếu có) đối với Báo cáo tài chính do việc chuyển đổi Báo cáo tài chính từ đồng ngoại tệ sang Đồng Việt Nam.

Điều 6. Kiểm toán Báo cáo tài chính trong trường hợp sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là ngoại tệ

Báo cáo tài chính mang tính pháp lý để công bố ra công chúng và nộp các cơ quan có thẩm quyền tại Việt Nam là Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam và phải được kiểm toán.

Điều 7. Thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán

Khi có sự thay đổi lớn về hoạt động quản lý và kinh doanh dẫn đến đơn vị tiền tệ được sử dụng trong các giao dịch kinh tế không còn thoả

mãn các tiêu chuẩn nêu tại khoản 2, 3 Điều 4 Thông tư này thì doanh nghiệp được thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán. Việc thay đổi từ một đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán này sang một đơn vị tiền tệ ghi sổ kế toán khác chỉ được thực hiện tại thời điểm bắt đầu niên độ kế toán mới. Doanh nghiệp phải thông báo cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp về việc thay đổi đơn vị tiền tệ trong kế toán chậm nhất là sau 10 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc niên độ kế toán.

Điều 8. Quyền và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với việc tổ chức kế toán tại các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc (gọi tắt là đơn vị hạch toán phụ thuộc)

1. Doanh nghiệp có trách nhiệm tổ chức bộ máy kế toán và phân cấp hạch toán ở các đơn vị hạch toán phụ thuộc phù hợp với đặc điểm hoạt động, yêu cầu quản lý của mình và không trái với quy định của pháp luật.

2. Doanh nghiệp quyết định việc kế toán tại đơn vị hạch toán phụ thuộc có tổ chức bộ máy kế toán riêng đối với:

a) Việc ghi nhận khoản vốn kinh doanh được doanh nghiệp cấp: Doanh nghiệp quyết định đơn vị hạch toán phụ thuộc ghi nhận là nợ phải trả hoặc vốn chủ sở hữu;

b) Đối với các giao dịch mua, bán, điều chuyển sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ nội bộ: Doanh thu, giá vốn chỉ được ghi nhận riêng tại từng đơn vị hạch toán phụ thuộc nếu sự luân chuyển sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ giữa các khâu trong nội bộ về bản chất tạo ra giá trị gia tăng trong sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ. Việc ghi nhận doanh thu từ các giao dịch nội bộ để trình bày trên Báo cáo tài chính của các đơn vị không phụ thuộc vào hình thức của chứng từ kế toán (hóa đơn hay chứng từ luân chuyển nội bộ);

c) Việc phân cấp kế toán tại đơn vị hạch toán phụ thuộc: Tùy thuộc mô hình tổ chức kế toán tập trung hay phân tán, doanh nghiệp có thể giao đơn vị hạch toán phụ thuộc phản ánh đến lợi nhuận sau thuế chưa phân phối hoặc chỉ phản ánh đến doanh thu, chi phí.